

CÔNG BÁO

NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

MỤC LỤC

PHỦ CHỦ TỊCH

10-11-1962 — Lệnh của Chủ tịch nước Việt-nam dân chủ cộng hòa số 51-LCT ngày 10-11-1962 công bố Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp. 601

CÁC BỘ

BỘ GIÁO DỤC

1-10-1962 — Quyết định số 825-QĐ ngày 1-10-1962 về việc ban hành quy chế tạm thời về lễ chức lao động sản xuất trong

các trường Đại học và Chuyên nghiệp trung cấp 608

10-10-1962 — Thông tư số 45-TT-MN ngày 10-10-1962 về việc xét trợ cấp cho học sinh miền Nam trong niên khóa 1962 — 1963

BỘ NÔNG NGHIỆP

31-10-1962 — Chỉ thị số 20-NN-CT ngày 31-10-1962 về việc chấn chỉnh và xây dựng trạm truyền giống gia súc bằng thụ tinh nhân tạo 613
8-11-1962 — Chỉ thị số 21-NN-CT ngày 8-11-1962 về kỹ thuật trồng trọt trong vụ Đông-xuân 1962 — 1963. 615

PHỦ CHỦ TỊCH

Lệnh số 51-LCT ngày 10-11-1962 công bố Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp.

LỆNH CỦA CHỦ TỊCH

NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Căn cứ điều 63 của Hiến pháp nước Việt-nam dân chủ cộng hòa;

Căn cứ nghị quyết của Quốc hội nước Việt-nam dân chủ cộng hòa khóa II kỳ họp thứ 5 ngày 27 tháng 10 năm 1962,

Nay công bố:

Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp.

Hà-nội, ngày 10 tháng 11 năm 1962

Chủ tịch

Nước Việt-nam dân chủ cộng hòa

HỒ CHÍ MINH

LUẬT TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN HÀNH CHÍNH CÁC CẤP

Căn cứ vào chương 7 của Hiến pháp nước Việt-nam dân chủ cộng hòa,

Luật này quy định tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp.

CHƯƠNG I

NGUYÊN TẮC CƠ BẢN

Điều 1. — Các đơn vị hành chính trong nước Việt-nam dân chủ cộng hòa phân định như sau:

— Nước chia thành tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu tự trị;

— Tỉnh chia thành huyện, thành phố thuộc tỉnh, thị xã;

— Huyện chia thành xã, thị trấn.

Các khu tự trị chia thành tỉnh; tỉnh chia thành huyện, thành phố thuộc tỉnh, thị xã; huyện chia thành xã, thị trấn.

Các thành phố có thể chia thành khu phố ở trong thành và huyện ở ngoài thành.

Hiện nay khu Hồng-quảng và khu Vĩnh-linh coi như tỉnh.

Các đơn vị hành chính kể trên đều có Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính.

Điều 2. — Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương do nhân dân địa phương bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương.

Số đại biểu Hội đồng nhân dân mỗi cấp và cách thức bầu cử Hội đồng nhân dân do luật bầu cử quy định.

Điều 3. — Ủy ban hành chính do Hội đồng nhân dân bầu ra, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, đồng thời là cơ quan hành chính của Nhà nước ở địa phương.

Điều 4. — Nhiệm kỳ của mỗi khóa Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương, Hội đồng nhân dân khu tự trị là ba năm.

Nhiệm kỳ của mỗi khóa Hội đồng nhân dân các cấp khác là hai năm.

Nhiệm kỳ của Ủy ban hành chính cấp nào theo nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cấp ấy. Khi Hội đồng nhân dân hết nhiệm kỳ hoặc bị giải tán, Ủy ban hành chính tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Hội đồng nhân dân mới bầu ra Ủy ban hành chính mới.

Điều 5. — Ủy ban hành chính chịu trách nhiệm và báo cáo công tác với Hội đồng nhân dân cấp mình và với cơ quan hành chính Nhà nước cấp trên trực tiếp.

Ủy ban hành chính ở một địa phương chịu sự lãnh đạo của Ủy ban hành chính cấp trên và sự lãnh đạo thống nhất của Hội đồng Chính phủ.

Điều 6. — Hội đồng nhân dân có quyền sửa đổi hoặc bãi bỏ những quyết định không thích đáng của Ủy ban hành chính cấp mình; có quyền sửa đổi hoặc bãi bỏ những nghị quyết không thích đáng của Hội đồng nhân dân cấp dưới trực tiếp và những quyết định không thích đáng của Ủy ban hành chính cấp dưới trực tiếp.

Điều 7. — Hội đồng nhân dân có quyền giải tán Hội đồng nhân dân cấp dưới trực tiếp khi Hội đồng nhân dân này gây thiệt hại đến quyền lợi của nhân dân một cách nghiêm trọng.

Nghị quyết giải tán của các Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu tự trị phải được Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn trước khi thi hành.

Nghị quyết giải tán của các Hội đồng nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh, thị xã, phải được Hội

đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phê chuẩn trước khi thi hành.

Điều 8. — Ủy ban hành chính cấp trên có quyền đình chỉ việc thi hành những nghị quyết không thích đáng của Hội đồng nhân dân cấp dưới trực tiếp và đề nghị Hội đồng nhân dân cấp mình sửa đổi hoặc bãi bỏ những nghị quyết ấy.

Ủy ban hành chính cấp trên có quyền sửa đổi hoặc bãi bỏ những quyết định không thích đáng của Ủy ban hành chính cấp dưới.

CHƯƠNG II

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP

MỤC I

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP

Điều 9. — Hội đồng nhân dân các cấp bảo đảm sự tôn trọng và chấp hành pháp luật của Nhà nước ở địa phương, duy trì trật tự an ninh và bảo vệ tài sản công cộng ở địa phương.

Điều 10. — Trong phạm vi pháp luật đã quy định, Hội đồng nhân dân các cấp quyết định các vấn đề về kinh tế, văn hóa và xã hội của địa phương, phát huy mọi khả năng của địa phương nhằm thực hiện những nhiệm vụ chung của Nhà nước ở địa phương và nâng cao đời sống của nhân dân địa phương.

Điều 11. — Hội đồng nhân dân các cấp bảo hộ quyền lợi của công nhân ở địa phương và chăm lo việc công dân ở địa phương làm tròn nhiệm vụ của mình đối với Nhà nước.

Điều 12. — Hội đồng nhân dân các cấp bảo đảm quyền bình đẳng của các dân tộc, giữ vững và tăng cường sự đoàn kết giữa các dân tộc.

Điều 13. — Căn cứ vào pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên, Hội đồng nhân dân các cấp ra những nghị quyết thi hành ở địa phương.

Những nghị quyết về những vấn đề mà pháp luật quy định thuộc quyền phê chuẩn của cấp trên thì, trước khi thi hành, phải được cấp trên phê chuẩn.

Điều 14. — Hội đồng nhân dân các cấp bầu ra Ủy ban hành chính và Tòa án nhân dân cấp mình và có quyền bãi miễn những thành viên của các cơ quan ấy.

Điều 15. — Hội đồng nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương có nhiệm vụ và quyền hạn như sau :

— Căn cứ vào kế hoạch của Nhà nước, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa và những sự nghiệp lợi ích công cộng của tỉnh, thành phố và quyết định các chủ trương công tác khác, phát

huy mọi khả năng của địa phương nhằm bảo đảm thực hiện những nhiệm vụ chung của Nhà nước ở địa phương và không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân địa phương;

— Xét duyệt dự toán và phê chuẩn quyết toán ngân sách của tỉnh, thành phố; quyết định các khoản thu cho ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;

— Căn cứ vào pháp luật của Nhà nước, ra những quy định về trật tự trị an, về vệ sinh chung và những quy định về các vấn đề khác của tỉnh, thành phố.

Điều 16. — Hội đồng nhân dân huyện có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

— Quyết định các chủ trương và biện pháp nhằm thực hiện nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa trong huyện do tỉnh hoặc thành phố giao cho;

— Căn cứ vào điều kiện của huyện, quyết định việc xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hóa và xã hội của cấp huyện;

— Xét duyệt dự trù và quyết toán chi tiêu của cấp huyện;

— Căn cứ vào pháp luật của Nhà nước, ra những quy định về trật tự trị an, về vệ sinh chung của huyện.

Điều 17. — Hội đồng nhân dân thành phố thuộc tỉnh và Hội đồng nhân dân thị xã có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

— Căn cứ vào kế hoạch kinh tế và văn hóa của cấp trên, quyết định kế hoạch phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp, nông nghiệp, văn hóa và những sự nghiệp lợi ích công cộng của thành phố, thị xã;

— Xét duyệt dự toán và phê chuẩn quyết toán ngân sách của thành phố, thị xã;

— Căn cứ vào pháp luật của Nhà nước, ra những quy định về trật tự trị an, về vệ sinh chung của thành phố, thị xã.

Điều 18. — Hội đồng nhân dân khu phố có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

— Quyết định các chủ trương và biện pháp nhằm thực hiện nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa trong khu phố do thành phố giao cho;

— Căn cứ vào điều kiện của khu phố, quyết định việc xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hóa và xã hội của cấp khu phố;

— Xét duyệt dự trù và quyết toán chi tiêu của khu phố.

Điều 19. — Hội đồng nhân dân xã và Hội đồng nhân dân thị trấn có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

— Căn cứ vào kế hoạch kinh tế và văn hóa của cấp trên, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa và những sự nghiệp lợi ích công cộng của xã, thị trấn;

— Xét duyệt dự toán và phê chuẩn quyết toán ngân sách của xã, thị trấn;

— Căn cứ vào pháp luật của Nhà nước, ra những quy định về trật tự trị an, về vệ sinh chung của xã, thị trấn. Những quy định này, trước khi thi hành, phải được Ủy ban hành chính cấp trên trực tiếp phê chuẩn.

MỤC II

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP TRONG KHU TỰ TRỊ

Điều 20. — Hội đồng nhân dân khu tự trị có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

— Bảo đảm sự tôn trọng và chấp hành pháp luật của Nhà nước ở địa phương; bảo đảm quyền bình đẳng của các dân tộc, giữ vững và tăng cường sự đoàn kết giữa các dân tộc; duy trì trật tự an ninh và bảo vệ tài sản công cộng, bảo hộ quyền lợi của công dân và chăm lo việc công dân làm tròn nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước;

— Căn cứ vào kế hoạch của Nhà nước và đặc điểm tình hình trong khu tự trị, quyết định phương hướng và nhiệm vụ phát triển kinh tế trong khu tự trị; quyết định kế hoạch phát triển văn hóa dân tộc và đào tạo cán bộ dân tộc trong khu tự trị;

— Quyết định kế hoạch xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hóa và xã hội của cấp khu;

— Xét duyệt dự trù và quyết toán chi tiêu của cấp khu;

— Căn cứ vào pháp luật của Nhà nước và chiếu theo những đặc điểm về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội của các dân tộc ở địa phương, đặt ra điều lệ tự trị và những điều lệ về những vấn đề riêng biệt để thi hành ở địa phương sau khi đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn;

— Bầu ra Ủy ban hành chính và Tòa án nhân dân khu tự trị và bãi miễn những thành viên của các cơ quan ấy.

Điều 21. — Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện, thành phố thuộc tỉnh, thị xã, khu phố, xã, thị trấn trong khu tự trị có những nhiệm vụ và quyền hạn như các Hội đồng nhân dân cấp tương đương quy định ở các điều trong mục 1 của chương này.

MỤC III

HỘI NGHỊ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 22. — Hội nghị Hội đồng nhân dân cấp nào do Ủy ban hành chính cấp ấy triệu tập.

Kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Hội đồng nhân dân do Ủy ban hành chính khóa trước triệu tập chậm nhất là bốn mươi ngày sau ngày bầu cử xong đại biểu Hội đồng nhân dân mới.

Điều 23. — Các Hội đồng nhân dân thành phố thuộc tỉnh, thị xã, khu phố, xã, thị trấn ba tháng họp một kỳ.

Các Hội đồng nhân dân khu tự trị, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện sáu tháng họp một kỳ.

Ủy ban hành chính các cấp triệu tập hội nghị bất thường của Hội đồng nhân dân cấp mình khi xét thấy cần thiết hoặc khi có ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình yêu cầu.

Điều 24. — Hội đồng nhân dân họp công khai.

Ngày họp, nơi họp và chương trình làm việc của hội nghị Hội đồng nhân dân phải được công bố trước để nhân dân biết.

Trong trường hợp đặc biệt, Hội đồng nhân dân có thể họp kín theo đề nghị của đoàn chủ tịch hội nghị hoặc của Ủy ban hành chính.

Điều 25. — Khi Hội đồng nhân dân họp, những người không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân có thể được mời tới dự hội nghị và có thể phát biểu ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 26. — Mỗi kỳ họp, Hội đồng nhân dân bầu ra đoàn chủ tịch và đoàn thư ký của kỳ họp.

Điều 27. — Các nghị quyết của Hội đồng nhân dân phải được quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành.

Hội đồng nhân dân biểu quyết bằng cách giơ tay hoặc bỏ phiếu kín.

MỤC IV

CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 28. — Tùy theo nhu cầu công tác, Hội đồng nhân dân có thể thành lập các ban của Hội đồng nhân dân.

Điều 29. — Trong phạm vi công tác của mình, các ban của Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ giúp Hội đồng nhân dân tìm hiểu ý kiến, nguyện vọng của nhân dân, góp ý kiến với Hội đồng nhân dân trong việc xây dựng và thực hiện những chủ trương công tác ở địa phương.

Điều 30. — Thành viên của các ban do Hội đồng nhân dân cử trong Hội đồng nhân dân và, khi cần, có thể cử thêm người ngoài Hội đồng nhân dân.

Trong khi làm công việc do ban giao cho, các thành viên của các ban không thoát ly sản xuất hoặc công tác chuyên môn của mình.

MỤC V

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 31. — Đại biểu Hội đồng nhân dân phải trung thành với chế độ dân chủ nhân dân, gương mẫu tuân theo Hiến pháp và pháp luật, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân.

Điều 32. — Đại biểu Hội đồng nhân dân phải liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân.

Đại biểu Hội đồng nhân dân động viên nhân dân chấp hành những nghị quyết và quyết định của Hội đồng nhân dân, của Ủy ban hành chính địa phương và của các cơ quan Nhà nước cấp trên.

Từng thời kỳ một, đại biểu Hội đồng nhân dân phải báo cáo với cử tri về hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Điều 33. — Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền chất vấn Ủy ban hành chính và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban hành chính.

Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền dự các kỳ họp của Hội đồng nhân dân cấp dưới thuộc đơn vị đã bầu ra mình, có quyền phát biểu ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 34. — Trong thời gian Hội đồng nhân dân họp, nếu không có sự đồng ý của đoàn chủ tịch hội nghị thì không được bắt giam hoặc truy tố đại biểu Hội đồng nhân dân. Trong trường hợp phạm pháp quả tang hoặc trong trường hợp khẩn cấp, cơ quan có trách nhiệm khi tạm giữ một đại biểu, phải lập tức báo cáo với đoàn chủ tịch hội nghị.

Điều 35. — Đại biểu Hội đồng nhân dân có thể bị cử tri bãi miễn nếu không xứng đáng với sự tin nhiệm của nhân dân.

Việc đưa một đại biểu Hội đồng nhân dân ra để cử tri biểu quyết bãi miễn do Hội đồng nhân dân quyết định.

Việc bỏ phiếu biểu quyết bãi miễn đại biểu được tiến hành theo cách thức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 36. — Đại biểu Hội đồng nhân dân nào phạm pháp và bị Tòa án phạt tù thì đương nhiên mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 37. — Đại biểu Hội đồng nhân dân có thể xin từ chức vì lý do không thể đảm nhiệm được nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân.

Việc xin từ chức của đại biểu Hội đồng nhân dân do Hội đồng nhân dân xét định.

Điều 38. — Trong nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân, khi khuyết đại biểu thì có thể tổ chức bầu cử bổ sung.

Hội đồng Chính phủ quyết định việc bầu cử bổ sung đại biểu của các Hội đồng nhân dân khu tự trị, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Ủy ban hành chính tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương quyết định việc bầu cử bổ sung đại biểu của các Hội đồng nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh, thị xã, khu phố, xã, thị trấn.

Điều 39. — Khi đi họp và trong thời gian hội nghị Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân được hưởng cấp phí đi đường và chế độ phụ cấp do Hội đồng Chính phủ quy định. Nếu đại biểu Hội đồng nhân dân là người ăn lương Nhà nước, thì vẫn được hưởng lương của mình và cấp phí đi đường nhưng không hưởng phụ cấp nói trên.

CHƯƠNG III

ỦY BAN HÀNH CHÍNH CÁC CẤP

MỤC I

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 40. — Ủy ban hành chính các cấp quản lý công tác hành chính của địa phương; chấp hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp mình và nghị quyết, nghị định, quyết định, thông tư, chỉ thị của cơ quan Nhà nước cấp trên.

Điều 41. — Ủy ban hành chính các cấp có nhiệm vụ triệu tập hội nghị Hội đồng nhân dân cấp mình đúng kỳ hạn, chuẩn bị hội nghị Hội đồng nhân dân, đưa ra Hội đồng nhân dân thảo luận và quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương.

Điều 42. — Ủy ban hành chính các cấp lãnh đạo công tác của các ngành thuộc quyền mình và của các Ủy ban hành chính cấp dưới.

Điều 43. — Ủy ban hành chính các cấp có quyền ra những quyết định và chỉ thị theo quy định của pháp luật và kiểm tra việc thi hành những quyết định và chỉ thị ấy.

Ủy ban hành chính các cấp xét và giải quyết nhanh chóng những việc khiếu nại và tố cáo của công dân.

Điều 44. — Ủy ban hành chính tỉnh và Ủy ban hành chính thành phố trực thuộc trung ương có nhiệm vụ và quyền hạn như sau :

— Chấp hành kế hoạch kinh tế, văn hóa và ngân sách của tỉnh, thành phố;

— Quản lý công nghiệp địa phương; lãnh đạo việc củng cố và phát triển các hợp tác xã thủ công nghiệp và lãnh đạo việc phát triển sản xuất thủ công nghiệp;

— Quản lý công tác xây dựng cơ bản;

— Lãnh đạo việc củng cố và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp và lãnh đạo việc phát triển sản xuất nông nghiệp;

— Quản lý công tác thủy lợi;

— Quản lý công tác lâm nghiệp;

— Quản lý công tác giao thông, vận tải và công tác bưu điện và truyền thanh;

— Quản lý công tác thương nghiệp, công tác thu mua và quản lý thị trường;

— Quản lý công tác thu thuế và các khoản thu khác của Nhà nước ở địa phương;

— Lãnh đạo việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ngân hàng; lãnh đạo việc củng cố và phát triển các hợp tác xã vay mượn, quỹ tiết kiệm, quỹ tín dụng;

— Quản lý nhà, đất và tài sản công cộng;

— Quản lý công tác văn hóa, giáo dục, y tế, vệ sinh, thể dục thể thao;

— Quản lý các sự nghiệp lợi ích công cộng;

— Quản lý công tác lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, cứu tế và xã hội;

— Giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ tài sản công cộng, xây dựng lực lượng hậu bị, dân quân, tự vệ và thi hành các công tác quân sự khác;

— Quản lý tổ chức, biên chế và cán bộ;

— Tham gia quản lý các xí nghiệp, sự nghiệp của trung ương ở địa phương; cung cấp nhân lực, lương thực, thực phẩm và bảo đảm trật tự an ninh cho các xí nghiệp, sự nghiệp ấy;

— Quản lý các công tác khác do Hội đồng Chính phủ giao cho.

Điều 45. — Ủy ban hành chính huyện có nhiệm vụ và quyền hạn như sau :

— Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các xã, thị trấn xây dựng và chấp hành kế hoạch kinh tế, văn hóa và ngân sách của xã, thị trấn;

— Lãnh đạo các xã, thị trấn củng cố và phát triển các hợp tác xã, phát triển sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp và các ngành nghề khác;

— Lãnh đạo các xã phát triển các công trình thủy lợi, giao thông, vận tải và các sự nghiệp giáo dục, văn hóa, xã hội có tính chất liên xã;

— Thu thuế công thương nghiệp; chỉ đạo các xã, thị trấn thu thuế, thu nợ, thu mua;

— Quản lý tài chính của cấp huyện;

— Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ngân hàng; lãnh đạo việc củng cố và phát triển các hợp tác xã vay mượn, quỹ tín dụng;

— Quản lý công tác văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao; quản lý công tác bưu điện và truyền thanh;

— Quản lý các xí nghiệp, trường phổ thông, bệnh xá, sự nghiệp lợi ích công cộng của huyện;

— Giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ tài sản công cộng; xây dựng lực lượng hậu bị, dân quân, tự vệ và thi hành các công tác quân sự khác;

— Quản lý tổ chức, biên chế và cán bộ;

— Quản lý các công tác khác do cấp trên giao cho.

Điều 46. — Ủy ban hành chính thành phố thuộc tỉnh và Ủy ban hành chính thị xã có nhiệm vụ và quyền hạn như sau :

— Chấp hành kế hoạch kinh tế, văn hóa và ngân sách của thành phố, thị xã;

— Lãnh đạo việc củng cố và phát triển các hợp tác xã thủ công nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, củng cố các tổ chức hợp tác của tiểu thương và của các ngành nghề khác;

— Quản lý công tác giao thông vận tải và công tác bưu điện và truyền thanh;

— Quản lý nhà, đất và tài sản công cộng;

— Thu thuế và các khoản thu khác của Nhà nước;

— Đôn đốc việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ngân hàng; lãnh đạo việc củng cố và phát triển các hợp tác xã vay mượn, quỹ tiết kiệm;

— Thu mua cho Nhà nước và quản lý các chợ;
— Quản lý công tác văn hóa, giáo dục, y tế, vệ sinh thể dục thể thao;

— Quản lý các trường phổ thông, lớp mẫu giáo, lớp vỡ lòng, nhà giữ trẻ, vườn trẻ, các bệnh viện, bệnh xá, sự nghiệp lợi ích công cộng và xí nghiệp của thành phố, thị xã;

— Quản lý lao động, tiền lương; quản lý công tác bảo hiểm xã hội, cứu tế và xã hội;

— Quản lý công tác hộ tịch;

— Giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ tài sản công cộng; xây dựng lực lượng hậu bị, dân quân, tự vệ và thi hành các công tác quân sự khác;

— Quản lý tổ chức, biên chế và cán bộ;

— Quản lý các công tác khác do cấp trên giao cho.

Điều 47. — Ủy ban hành chính khu phố có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

— Lãnh đạo việc củng cố và phát triển các hợp tác xã thủ công nghiệp, củng cố các tổ chức hợp tác của tiểu thương và của các ngành nghề khác;

— Thu thuế và các khoản thu khác của Nhà nước; quản lý các chợ;

— Quản lý nhà, đất và tài sản công cộng;

— Quản lý tài chính của khu phố;

— Đôn đốc việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ngân hàng; lãnh đạo việc củng cố và phát triển quỹ tiết kiệm;

— Quản lý các trường phổ thông, lớp mẫu giáo, lớp vỡ lòng, nhà giữ trẻ, vườn trẻ, phòng khám bệnh, bệnh xá, nhà hộ sinh và các cơ sở văn hóa của khu phố;

— Quản lý lao động, tiền lương; quản lý công tác bảo hiểm xã hội, cứu tế và xã hội;

— Quản lý công tác hộ tịch;

— Giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ tài sản công cộng; xây dựng lực lượng hậu bị, dân quân, tự vệ và thi hành các công tác quân sự khác;

— Quản lý tổ chức, biên chế và cán bộ;

— Quản lý các công tác khác do cấp trên giao cho.

Điều 48. — Ủy ban hành chính xã và Ủy ban hành chính thị trấn có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

— Chấp hành kế hoạch kinh tế, văn hóa và ngân sách của xã, thị trấn;

— Giúp các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và các hợp tác xã khác xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất; đôn đốc, giám sát các hợp tác xã và công dân thực hiện mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước; đình chỉ việc thi hành những nghị quyết trái pháp luật của hợp tác xã, nhưng phải báo cáo ngay lên cấp trên trực tiếp để quyết định;

— Quản lý hệ thống tiêu thủy nông, các đường giao thông của xã; quản lý công tác bưu điện và truyền thanh;

— Thu thuế, thu nợ, thu mua cho Nhà nước; quản lý chợ, bến đò;

— Đôn đốc việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ngân hàng; lãnh đạo việc củng cố và phát triển các hợp tác xã vay mượn, quỹ tín dụng;

— Quản lý tài sản công cộng;

— Xây dựng trường phổ thông; quản lý các lớp mẫu giáo, lớp vỡ lòng; lãnh đạo việc phát triển các nhà giữ trẻ, vườn trẻ;

— Quản lý các trạm y tế, nhà hộ sinh và các sự nghiệp lợi ích công cộng; quản lý công tác văn hóa, thông tin, thể dục thể thao;

— Quản lý lao động và công tác cứu tế và xã hội;

— Quản lý công tác hộ tịch;

— Giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ tài sản công cộng; xây dựng lực lượng hậu bị, dân quân, tự vệ và thi hành các công tác quân sự khác;

— Quản lý các công tác khác do cấp trên giao cho.

MỤC II

ỦY BAN HÀNH CHÍNH CÁC CẤP TRONG KHU TỰ TRỊ

Điều 49. — Ủy ban hành chính khu tự trị có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

— Lãnh đạo các tỉnh trong khu tự trị thực hiện chính sách dân tộc, phát huy mọi khả năng của các dân tộc nhằm làm cho khu tự trị phát triển về mọi mặt;

— Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các Ủy ban hành chính tỉnh trong khu tự trị xây dựng và chấp hành kế hoạch kinh tế và văn hóa xây dựng và chấp hành ngân sách;

— Quản lý công tác văn hóa dân tộc; đào tạo cán bộ các dân tộc;

— Quản lý các cơ sở kinh tế, văn hóa và xã hội của cấp khu;

— Quản lý tài chính của cấp khu;

— Lãnh đạo công tác giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ tài sản công cộng; lãnh đạo công tác tổ chức các lực lượng hậu bị, dân quân, tự vệ của địa phương;

— Chấp hành điều lệ tự trị và những điều lệ về những vấn đề riêng biệt của khu tự trị;

— Quản lý các công tác khác do Hội đồng Chính phủ giao cho.

Điều 50. — Các Ủy ban hành chính tỉnh, huyện, thành, hồ thuộc tỉnh, thị xã, khu phố, xã, thị trấn trong khu tự trị có nhiệm vụ và quyền hạn như Ủy ban hành chính cấp tương đương quy định ở các điều trong mục 1 của chương này.

MỤC III

TỔ CHỨC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC
CỦA ỦY BAN HÀNH CHÍNH

Điều 51. — Trong kỳ họp đầu tiên, Hội đồng nhân dân bầu ra chủ tịch, một hoặc nhiều phó chủ tịch, ủy viên thư ký và các ủy viên khác của Ủy ban hành chính.

Thành viên Ủy ban hành chính phải là đại biểu Hội đồng nhân dân.

Các Ủy ban hành chính xã, thị trấn có từ năm đến bảy người. Ở các xã miền núi có nhiều dân tộc ở xen kẽ thì Ủy ban hành chính có từ năm đến chín người.

Các Ủy ban hành chính huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, khu phố có từ bảy đến chín người. Ở các huyện miền núi có nhiều dân tộc ở xen kẽ thì Ủy ban hành chính có từ bảy đến mười một người.

Các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có từ chín đến mười lăm người.

Ủy ban hành chính khu tự trị có từ chín đến mười bảy người.

Trong nhiệm kỳ của Ủy ban hành chính, khi khuyết thành viên của Ủy ban hành chính thì Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu bổ sung.

Điều 52. — Hội đồng chính phủ, Ủy ban hành chính cấp trên trực tiếp có quyền đình chỉ công tác của thành viên Ủy ban hành chính phạm lỗi. Ủy ban hành chính có thành viên phạm lỗi sẽ đưa việc phạm lỗi của thành viên đó ra Hội đồng nhân dân cùng cấp xét định.

Điều 53. — Ủy ban hành chính các cấp làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, phân công phụ trách.

Mỗi thành viên của Ủy ban hành chính chịu trách nhiệm chung về công tác của Ủy ban hành chính và chịu trách nhiệm riêng về phần công tác của mình.

Chủ tịch Ủy ban hành chính lãnh đạo công tác của Ủy ban hành chính, triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của Ủy ban hành chính; bảo đảm việc chấp hành các nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp mình, các nghị quyết, nghị định, quyết định, thông tư và chỉ thị của Ủy ban hành chính và của cơ quan Nhà nước cấp trên.

Phó chủ tịch giúp chủ tịch lãnh đạo công tác của Ủy ban hành chính, có thể được Ủy ban hành chính phân công chỉ đạo từng khối công tác của Ủy ban hành chính và ủy nhiệm thay chủ tịch khi chủ tịch vắng mặt.

Ủy viên thư ký lãnh đạo văn phòng của Ủy ban hành chính, giải quyết công việc hàng ngày của Ủy ban hành chính dưới sự lãnh đạo của chủ tịch và các phó chủ tịch.

Chủ tịch, các phó chủ tịch, ủy viên thư ký họp thành bộ phận thường trực của Ủy ban hành chính.

Điều 54. — Ủy ban hành chính các cấp mỗi tháng họp ít nhất một lần.

MỤC IV

CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
THUỘC ỦY BAN HÀNH CHÍNH

Điều 55. — Ủy ban hành chính các cấp thành lập hoặc bãi bỏ các cơ quan chuyên môn, thành lập hoặc bãi bỏ các bộ phận chuyên môn thuộc Ủy ban hành chính, theo nguyên tắc và thủ tục do Hội đồng Chính phủ quy định.

Điều 56. — Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban hành chính chịu sự lãnh đạo của Ủy ban hành chính, đồng thời chịu sự chỉ đạo về kỹ thuật và nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn cấp trên.

Thủ trưởng cơ quan chuyên môn chịu trách nhiệm và báo cáo công tác với Ủy ban hành chính cấp mình và với cơ quan chuyên môn cấp trên.

CHƯƠNG IV

QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC
TRONG NHỮNG TRƯỜNG HỢP THAY ĐỔI
CẤP HOẶC ĐỊA GIỚI CỦA CÁC ĐƠN VỊ
HÀNH CHÍNH

Điều 57. — Trong trường hợp nhập hai hoặc nhiều đơn vị hành chính thành một đơn vị hành chính mới, các Hội đồng nhân dân của các đơn vị hành chính cũ nhập lại thành Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính mới và hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ của các Hội đồng nhân dân cũ.

Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính mới bầu ra Ủy ban hành chính mới.

Điều 58. — Trong trường hợp chia một đơn vị hành chính thành hai hoặc nhiều đơn vị hành chính mới, các đại biểu Hội đồng nhân dân đã được bầu trong địa hạt đơn vị hành chính mới nào thì họp thành Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính ấy, và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ. Nếu cần bầu thêm đại biểu mới thì phải làm theo quy định của điều 38 của luật này.

Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính mới bầu ra Ủy ban hành chính mới.

Điều 59. — Trong trường hợp một đơn vị hành chính thay đổi cấp, thì Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính tiếp tục hoạt động với cương vị của cấp mới cho đến khi hết nhiệm kỳ.

Điều 60. — Luật số 110-SL-L-12 ngày 31-5-1958 về tổ chức chính quyền địa phương và những quy định khác ban hành trước đây trái với luật này đều bãi bỏ.

Luật này đã được Quốc hội nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, khóa II, kỳ họp thứ 5, nhất trí thông qua ngày 27 tháng 10 năm 1962.

T.M. Chủ tịch đoàn

Chủ tịch điều khiển phiên họp

XUÂN THỦY

CÁC BỘ

BỘ GIÁO DỤC

QUYẾT ĐỊNH số 825-QĐ ngày 1-10-1962
về quy chế tạm thời về việc tổ chức lao động sản xuất trong các trường Đại học và Chuyên nghiệp trung cấp.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC

Căn cứ theo yêu cầu của thực hiện nguyên lý giáo dục kết hợp với lao động sản xuất trong nhà trường;

Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Đại học và Chuyên nghiệp trung cấp;

Sau khi đã lấy ý kiến của các Bộ có trường Đại học và Chuyên nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành quy chế tạm thời về việc tổ chức lao động sản xuất trong các trường Đại học và Chuyên nghiệp trung cấp, kèm theo quyết định này.

Điều 2. — Bản quy chế này bắt đầu áp dụng trong năm học 1962—1963.

Điều 3. — Các ông Chánh Văn phòng Bộ Giáo dục ông Vụ trưởng Vụ Đại học và Chuyên nghiệp trung cấp và ông Hiệu trưởng các trường Đại học và Chuyên nghiệp trung cấp có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 1 tháng 10 năm 1962

Bộ trưởng Bộ Giáo dục

NGUYỄN VĂN HUYỀN

QUY CHẾ TẠM THỜI

về việc tổ chức lao động sản xuất
trong các trường Đại học
và Chuyên nghiệp trung cấp.

Sau bốn năm thực hiện nguyên lý giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, các trường Đại học và Chuyên nghiệp trung cấp đã đạt được nhiều thành tích trong việc rèn luyện tư tưởng, tác phong của giai cấp công nhân và thói quen lao động chân tay cho sinh viên, học sinh, trong việc gắn liền nhà trường với đời sống, với sản xuất, đồng thời cũng sản xuất ra một số của cải vật chất góp phần xây dựng nhà trường, phục vụ sản xuất và cải thiện đời sống cho sinh viên, học sinh, cán bộ nhà trường. Những kết quả trên khẳng định nguyên lý giáo dục của Đảng đề ra là hoàn toàn đúng đắn.

Đến nay việc thực hiện nguyên lý trên có nhiều vấn đề đã rõ, tuy nhiên vẫn chưa được thống nhất thực hiện trong các trường, mặt khác vẫn còn một số vấn đề tồn tại, cần giải quyết. Bản quy chế này nhằm:

— Quy định thống nhất việc tổ chức lao động sản xuất trong nhà trường để đảm bảo yêu cầu đào tạo cán bộ và yêu cầu ổn định mọi hoạt động trong nhà trường nhằm phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập;

— Chuẩn bị rút kinh nghiệm một cách toàn diện về việc thực hiện nguyên lý giáo dục trong nhà trường.

1. Về mục đích và yêu cầu của nguyên lý giáo dục kết hợp với lao động sản xuất.

Việc thực hiện nguyên lý giáo dục kết hợp với lao động sản xuất trong các trường Đại học và Chuyên nghiệp trung cấp nhằm đạt ba yêu cầu sau đây:

1. Để cho sinh viên, học sinh học tập lao động chân tay, tạo điều kiện cho họ được gần gũi với công nhân, nông dân, cùng lao động và học tập công nông, trên cơ sở đó bồi dưỡng cho họ lập trường quan điểm đúng đắn đối với lao động, nhất là lao động chân tay, coi trọng lao động chân tay, trung thành và nhiệt tình với công cuộc lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Đây là yêu cầu cơ bản của nguyên lý, vì vậy việc tổ chức lao động cho sinh viên học sinh trước tiên phải nghĩ đến yêu cầu này.

2. Bồi dưỡng cho sinh viên, học sinh kỹ năng lao động chân tay (giản đơn và có kỹ thuật) kết hợp với việc vận dụng ở một mức độ nhất định trong điều kiện có thể và từng bước những lý luận và kiến thức khoa học, kỹ thuật đã học vào thực tế sản xuất góp phần thúc đẩy sản xuất công nông nghiệp phát triển theo tinh thần của Nghị quyết 5 và Nghị quyết 7 của Trung ương Đảng.